

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **04/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/02/2021

V/v: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang

2. Bà Nguyễn Thị Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Có - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 399/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐ-HPT, ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Minh H**, sinh năm 1998; Địa chỉ: xóm 19, thôn 2, xã C, huyện T, Bình Thuận; Có mặt

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thái Đ**, sinh năm 1990; Địa chỉ: xóm 19, thôn 2, xã C, huyện T, Bình Thuận; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 14/10/2020, tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thái Đ tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng năm 2017, đến năm 2019 mới có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T

Trong cuộc sống chung vợ chồng sống hạnh phúc, do phát sinh nhiều mâu thuẫn như thường xuyên cãi vã, chồng nhậu say về hay chửi bới, đánh đập, hung hãn, bạo lực, gia trưởng, còn xúc phạm danh dự tôi, bản thân bà cảm thấy không sống nổi với người chồng như vậy. Vào tháng 6/2020 bà đã nộp đơn 01 lần, do ông không đồng ý ly hôn nên bà đã cho ông Đ 01 thời gian để suy nghĩ sửa đổi tánh

tình nhưng đến nay vẫn không thay đổi. Đến nay không ai quan tâm đến ai, phận ai nấy ở và cũng không có để hướng trở về đoàn tụ.

Bản thân bà nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không đạt mục đích nên bà quyết định ly hôn. Mong Tòa xem xét theo nguyện vọng của tôi.

Về con chung: Không có;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận;

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Thái Đ trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 25/12/2020 :

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Minh H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng năm 2017, đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T

Trong cuộc sống chung vợ chồng sống hạnh phúc, đôi lúc cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, vào khoảng tháng 5/2020 vợ chồng có cãi nhau về vấn đề tài chính do bà H không có công khai rõ ràng nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, lúc cãi vã đôi lúc tức giận cũng có đánh bà H, hiện ông không còn ở chung với bà H nữa mà đang làm thuê và ở tạm với anh ruột của bà H ở gần cây xăng Thắng Lợi. Ông cảm thấy hiện ông còn tình cảm với vợ mặc dù có mâu thuẫn như ông đã trình bày nhưng ông không đồng ý ly hôn để Tòa xem xét giải quyết.

Về con chung: Không có;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận;

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh H.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với ông Nguyễn Thái Đ

Về con chung: Không có;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có;

Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, các đương sự có nơi cư trú tại xã xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản, thủ tục tố tụng cho ông Nguyễn Thái Đ, ông Đ có nhận giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà H và ông Nguyễn Thái Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại xã Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào năm 2017. Vì vậy, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân của bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Thái Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng nhưng trong quá trình chung sống giữa bà H và ông Đ thực sự đã có mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H khai vợ chồng thường xuyên cãi vã, chồng nhậu say về hay chửi bới, đánh đập, hung hãn, bạo lực, gia trưởng, còn xúc phạm danh dự bà. Ông Đ xác nhận vợ chồng cũng có mâu thuẫn như: về vấn đề tài chính do bà H không có công khai rõ ràng nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, lúc cãi vã do tức giận nên cũng có đánh bà H vài lần, hiện ông và bà H không còn ở chung với nhau, ly thân nhau từ tháng 5/2020, ông có năn nỉ bà H trở về đoàn tụ nhưng bà H không đồng ý. Xét thấy, bà H và ông Đ đều thừa nhận trong quá trình chung có mâu thuẫn xảy ra và đến nay đã ly thân một thời gian dài, hai người không có tiếng nói chung, phận ai nấy ở. Chứng tỏ, ông bà không phương án để cùng nhau quay về đoàn tụ, tại Tòa bà H kiên quyết ly hôn nhưng ông Đ không đồng ý ly hôn, ông đưa ra lý do còn thương vợ nhưng từ khi ông và bà H ly thân nhau thì hai ông bà không có tiếng nói chung, không có hướng nào để quay về đoàn tụ. Chứng tỏ rằng bà H và ông Đ đã có mâu thuẫn, tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong thời gian chờ Tòa xét xử thì ông Đ cũng không tìm được phương án nào để ông và bà H trở về đoàn tụ gia đình, thậm chí tình trạng hôn nhân của hai người mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông Đ, không chấp nhận ý kiến của ông Đ đòi xin trở về đoàn tụ.

[5] Về con chung: Không có;

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[7] Về nợ chung: Không có

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh H đối với ông Nguyễn Thái Đ. Bà H được ly hôn với ông Đ.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh H phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0009093 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[3] Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/02/2021), đối với ông Nguyễn Thái Đ vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Lấy